CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (HS

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	13,950 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.7%	-3.7%	-

DT thuần

2024

3,028 tỷ VNĐ

YoY
▼ 62.0
▼ 2.0%

LN gộp

2024

1,664 tỷ VNĐ

YoY
▲ 509
▲ 44.1%

LN thuần

2024

640 tỷ VNĐ

YoY
▲ 189
▲ 42.0%

LN sau thuế

2024

618 tỷ VNĐ

YoY
▲ 248
▲ 67.1%

ROE

2024

2.9%

+/- YoY
▲ 0.8%

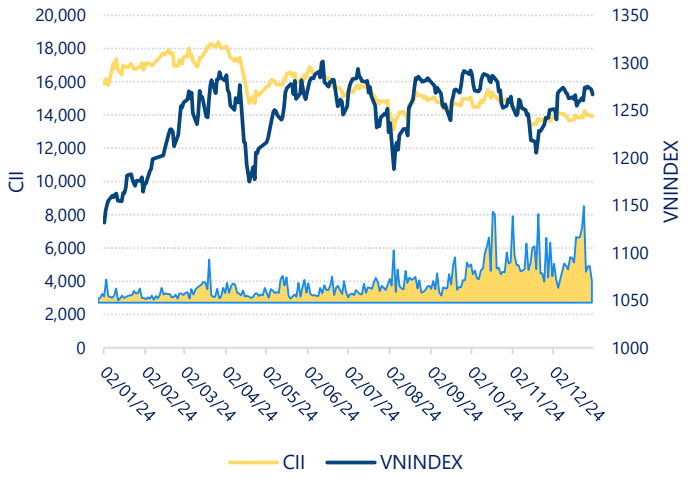
ROA

2024

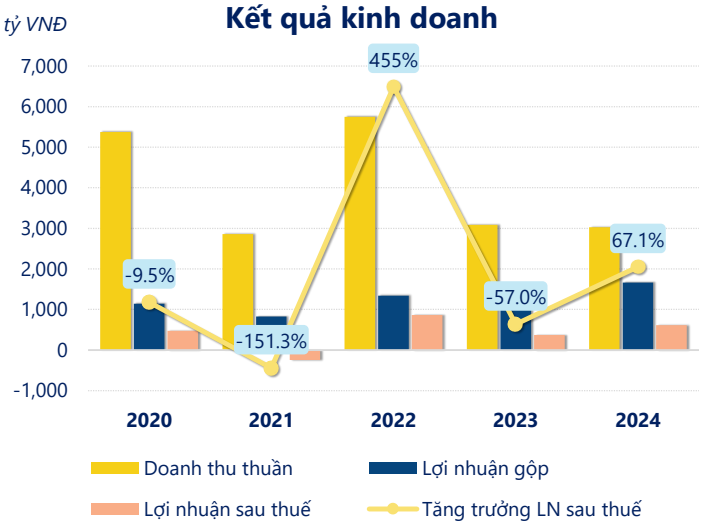
0.7%

+/- YoY
▲ 0.2%

Lịch sử giá

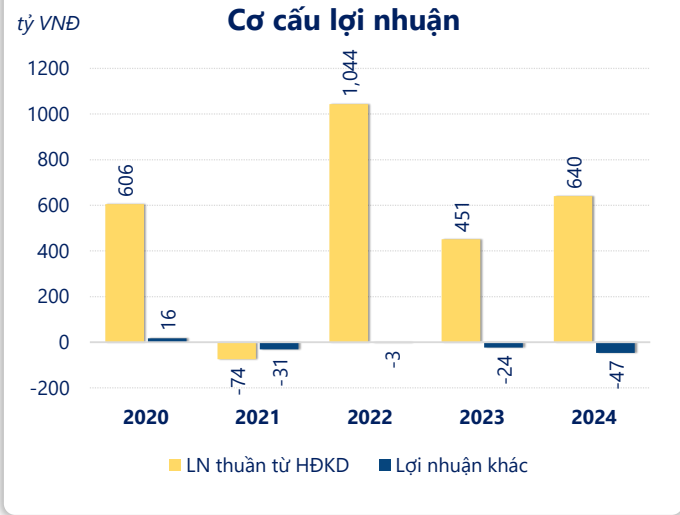


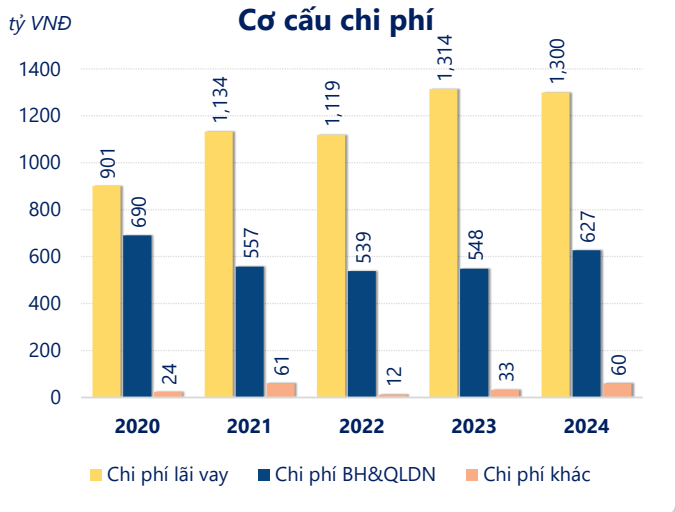
Kết quả kinh doanh



Kết quả kinh doanh **CII** năm **2024**, doanh thu thuần đạt **3,028** tỷ đồng **giảm 2.01%**, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 67.1%** đạt **618.3** tỷ đồng.

Lợi nhuận sau thuế có sự tăng trưởng có thể thấy là kết quả của việc tối ưu hóa hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính hiệu quả. Tuy nhiên cần cải thiện hiệu quả hoạt động để tạo sự tăng trưởng ổn định.

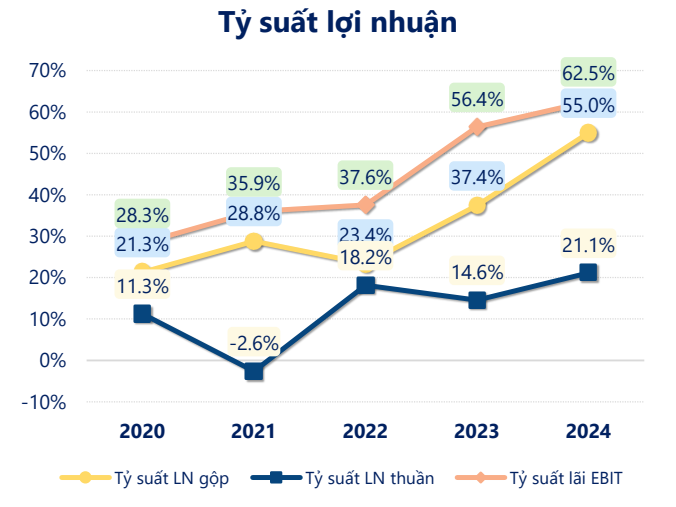


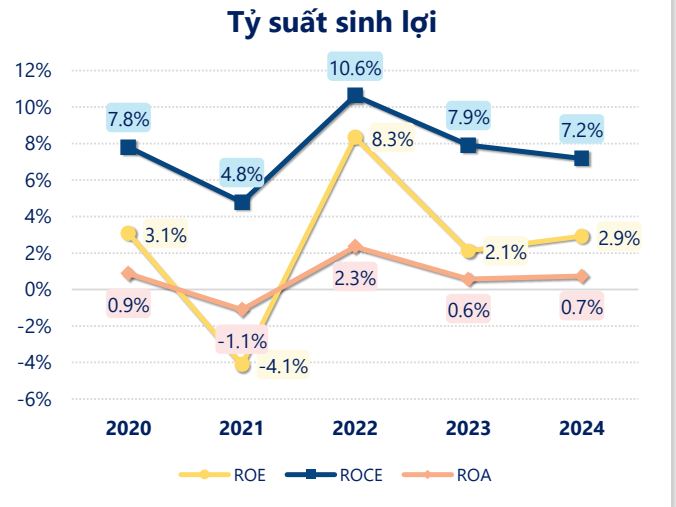


Năm **2024**, **CII** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **640.1** tỷ đồng, **tăng lên 189.2** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (533.2 tỷ đồng) là 106.9 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

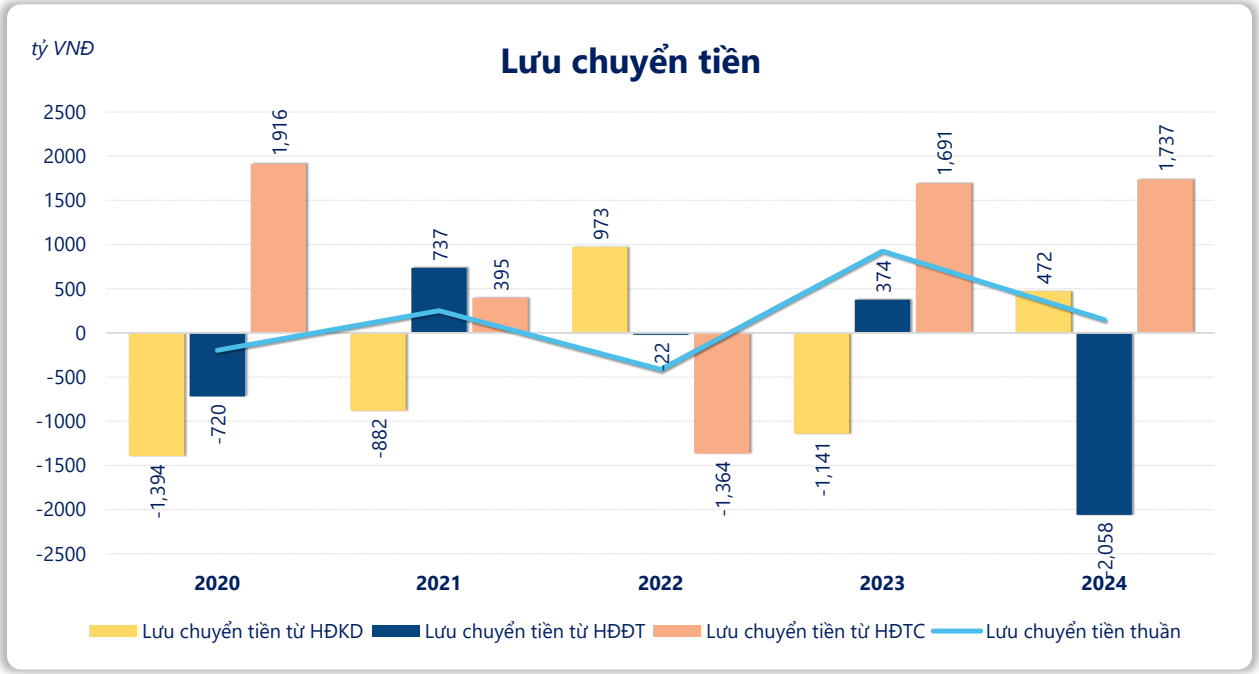
Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **1,300** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên**, ở mức **627.0** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **60.17** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của CII năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **2.92%**, **cao hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**5,374**	**2,860**	**5,748**	**3,090**	**3,028**
Giá vốn hàng bán	4,229	2,036	4,404	1,935	1,364
Lợi nhuận gộp	**1,145**	**824**	**1,344**	**1,155**	**1,664**
Doanh thu HĐTC	1,362	1,070	1,522	1,525	1,133
Chi phí TC	1,215	1,416	1,359	1,660	1,530
Chi phí lãi vay	**901**	**1,134**	**1,119**	**1,314**	**1,300**
LN trong công ty LKLD	3.93	5.53	75.8	-20.4	0.12
Chi phí bán hàng	157	62.9	76.9	79.9	83.8
Chi phí QLDN	533	494	462	468	543
LN thuần từ HĐKD	**606**	**-74.5**	**1,044**	**451**	**640**
Lợi nhuận khác	16.3	-31.3	-2.64	-23.9	-46.7
LN trước thuế	**622**	**-106**	**1,041**	**427**	**593**
Lợi nhuận sau thuế	**472**	**-242**	**861**	**370**	**618**
LNST của CĐ cty mẹ	**254**	**-332**	**695**	**178**	**257**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của CII bằng **151.1** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (925.0 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **472.3** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-2,058** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **1,737** tỷ đồng.